

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04-5-2022

“V/v xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Hồng Cẩm

Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 30/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022, về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Trương Hồng N, sinh năm 1979 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 11, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn G trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn G và bà Trương Hồng N đăng ký kết hôn vào ngày 15/6/2012, tại UBND xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm. Hiện ông G và bà N không còn sống chung với nhau, mỗi người sống một nơi. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên ông G yêu cầu xin ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn G và bà Trương Hồng N có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Hồng La, sinh ngày 13/11/2000; Nguyễn Hồng Lu, sinh ngày 08/8/2001; Nguyễn Hồng N1, sinh ngày 06/11/2006. Hiện 02 người con chung là La và Lu đã thành niên, nên ông G không đặt ra yêu cầu. Đối với cháu N1 có nguyện vọng với ai thì ông G đồng ý giao cho người đó nuôi. Ông G không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trương Hồng N trình bày:

Về hôn nhân: Bà Trương Hồng N và ông Nguyễn Văn G và đăng ký kết hôn vào ngày 15/6/2012, tại UBND xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm. Hiện ông G và bà N không còn sống chung với nhau, mỗi người sống một nơi. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà N đồng ý ly hôn với ông G.

Về con chung: Bà Trương Hồng N và ông Nguyễn Văn G có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Hồng La, sinh ngày 13/11/2000; Nguyễn Hồng Lu, sinh ngày 08/8/2001; Nguyễn Hồng N1, sinh ngày 06/11/2006. Hiện 02 người con chung là La và Lu đã thành niên, đã có gia đình riêng nên bà N không đặt ra yêu cầu. Đối với cháu N1 có nguyện vọng với ai thì bà N đồng ý giao cho người đó nuôi. Bà N không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà Trương Hồng N xin vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Ông Nguyễn Văn G và bà Trương Hồng N đăng ký kết hôn vào ngày 15/6/2012, tại UBND xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm. Hiện ông G và bà N đã không còn sống chung với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên ông G yêu cầu xin ly hôn với bà N, bà N đồng ý. Hội đồng xét xử thấy ông G yêu cầu xin ly hôn và được bà N đồng ý, đây là ý chí tự nguyện của các bên, không trái quy định pháp luật nên được chấp nhận, cho ông G ly hôn với bà N.

[3] Ông Nguyễn Văn G và bà Trương Hồng N có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Hồng La, sinh ngày 13/11/2000; Nguyễn Hồng Lu, sinh ngày 08/8/2001; Nguyễn Hồng N1, sinh ngày 06/11/2006. Đối với Hồng La và Hồng Lu đã thành niên, ông G và bà N không đặt ra yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với cháu N1 có nguyện vọng được ở với mẹ là Trương Hồng N, điều này cũng được ông G và bà N thống nhất trình bày là con ở với ai thì người đó nuôi. Do đó Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Nguyễn Hồng N1, sinh ngày 06/11/2006 cho bà Trương Hồng N

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do ông G, bà N không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông G và bà N xác định ông, bà không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều: 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2006 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G, cho ông Nguyễn Văn G ly hôn với bà Trương Hồng N.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hồng N1, sinh ngày 06/11/2006 cho bà Trương Hồng N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Nguyễn Văn G phải nộp 300.000 đồng. Ngày 18/01/2022, ông G có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000821, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được chuyển thu nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thẩm

